

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017*  
*đã được kiểm toán*



**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Lãnh đạo</b>	<b>2 – 4</b>
<b>Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>5</b>
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	<b>6 – 44</b>
Bảng cân đối kế toán	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 44

## **BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO**

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Alphanam E&C (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Alphanam E&C (trước đây là Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện) tiền thân là Công ty TNHH Alphanam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 051581 ngày 17 tháng 8 năm 1995 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty chính thức chuyển đổi từ Công ty TNHH sang hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103014620 ngày 17 tháng 11 năm 2006, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Alphanam Cơ Điện thành Công ty Cổ phần Alphanam E&C theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 04 ngày 10 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 0100520683 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại:

- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (thang máy);
- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (xây dựng các công trình công nghiệp);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (xây dựng các công trình dân dụng);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất);
- Cho thuê xe có động cơ (xe ô tô, phương tiện vận chuyển).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện như sau:

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	Đường số 2 Khu Công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 176 Hoa Lan, phường 02, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo của Ban lãnh đạo (tiếp theo)**

---

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Hoàng Tuấn	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Minh Nhật	Phó Chủ tịch	
Ông Phan Anh Sơn	Ủy viên	
Bà Trương Thị Thu Hiền	Ủy viên	
Bà Thịnh Thị Thanh Huyền	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 06 tháng 11 năm 2017
Ông Nguyễn Tuấn Hải	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2017
Ông Lâm Sơn Tùng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2017
Ông Trần Mạnh Thắng	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2017

### **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Ban Lãnh đạo và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Minh Nhật	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2018
Ông Nguyễn Tuấn Hải	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2018
Ông Lâm Sơn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Hải Phòng	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Thịnh Thị Thanh Huyền	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Đỗ Thị Minh Anh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2017
Bà Trương Thị Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2017
	Kiểm Kế toán trưởng	
Ông Lê Văn Đạt	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2017

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO**

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo của Ban lãnh đạo (tiếp theo)**

---

thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018



**Bùi Hoàng Tuấn**

Số: *114*./2018/BCKT-AASCN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Alphanam E&C, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2018, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### ***Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo***

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### ***Ý kiến của kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Alphanam E&C tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

**Phó Giám đốc**

**Kiểm toán viên**



**Bùi Ngọc Hà**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2018-152-1



**Trần Thị Mai**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2510-2018-152-1

### **Headquarters**

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City  
Tel: (84-028) 3910 4881 \* Fax: (84-028) 3910 4880  
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

5

### **Branch in Hanoi**

Glosbe 07 TT2/96B Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan, Ha Noi  
Tel: (84-24) 3994 7969 \* Fax: (84-24) 3793 1429  
Email: admin@namviethn.vn

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>445.483.100.267</b>	<b>340.556.538.041</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>22.073.139.576</b>	<b>3.317.784.431</b>
1.	Tiền	111		20.965.587.576	3.317.784.431
2.	Các khoản tương đương tiền	112		1.107.552.000	-
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>-</b>	<b>48.160.338.516</b>
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	48.160.338.516
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>322.778.199.294</b>	<b>176.059.429.340</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	164.028.153.638	125.872.432.382
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	165.221.484.239	56.088.840.070
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	3.235.949.168	1.608.046.109
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(9.707.387.751)	(7.509.889.221)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.07</b>	<b>97.789.533.294</b>	<b>111.322.129.123</b>
1.	Hàng tồn kho	141		97.789.533.294	111.322.129.123
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.842.228.103</b>	<b>1.696.856.631</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	176.335.438	94.513.974
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.665.892.665	1.602.342.657
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>85.368.160.765</b>	<b>106.780.188.209</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.04	-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.067.868.765</b>	<b>9.724.880.967</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	9.037.885.435	9.724.880.967
	- Nguyên giá	222		20.631.247.166	19.533.385.683
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(11.593.361.731)	(9.808.504.716)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.09	29.983.330	-
	- Nguyên giá	228		215.980.000	180.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(185.996.670)	(180.000.000)
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.02</b>	-	<b>20.653.321.971</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	20.746.601.969
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	(93.279.998)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>76.300.292.000</b>	<b>76.401.985.271</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	76.300.292.000	76.401.985.271
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>530.851.261.032</b>	<b>447.336.726.250</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>382.485.402.926</b>	<b>311.027.946.954</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>376.026.627.753</b>	<b>303.079.938.065</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	157.635.468.671	93.826.192.386
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	61.622.456.531	153.439.016.249
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	8.750.035.004	482.901.083
4.	Phải trả người lao động	314		1.135.874.813	825.922.714
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	280.871.198	585.531.002
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	619.770.000	1.720.670.336
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	7.741.729.527	7.417.629.305
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	138.240.422.009	44.782.074.990
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>6.458.775.173</b>	<b>7.948.008.889</b>
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	-	1.162.500.000
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.16	4.595.217.394	4.613.633.894
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	1.863.557.779	2.171.874.995
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>148.365.858.106</b>	<b>136.308.779.296</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>148.365.858.106</b>	<b>136.308.779.296</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		840.866.910	840.866.910
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.524.991.196	15.467.912.386
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		15.467.912.386	13.247.813.066
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		12.057.078.810	2.220.099.320
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>530.851.261.032</b>	<b>447.336.726.250</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Nguyễn Tuấn Trang

Trương Thị Thu Hiền

Bùi Hoàng Tuấn

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	761.385.382.363	408.040.097.019
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	164.928.529	236.239.385
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		761.220.453.834	407.803.857.634
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	726.403.185.042	383.324.650.854
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		34.817.268.792	24.479.206.780
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	310.029.217	15.789.099
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	5.855.423.428	5.392.589.677
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.948.650.189	5.505.129.319
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	1.717.909.612	5.576.254.318
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	11.590.989.740	10.601.370.217
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.962.975.229	2.924.781.667
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	391.348.928	58.836.831
12.	Chi phí khác	32	VI.07	1.067.272.290	178.863.561
13.	Lợi nhuận khác	40		(675.923.362)	(120.026.730)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.287.051.867	2.804.754.937
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	3.229.973.057	584.655.617
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		12.057.078.810	2.220.099.320
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	1.005	185
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	1.005	185

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Nguyễn Tuấn Trang

Trương Thị Thu Hiền

Bùi Hoàng Tuấn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		15.287.051.867	2.804.754.937
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		2.305.991.132	1.668.138.024
-	Các khoản dự phòng	03		2.955.018.532	2.548.294.623
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		87.253.443	(27.807.167)
-	Chi phí lãi vay	06		5.948.650.189	5.505.129.319
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		26.583.965.163	12.498.509.736
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(149.979.818.492)	(38.386.268.038)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		13.532.595.829	(29.266.870.818)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(25.246.713.851)	58.069.481.856
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		19.871.807	4.888.132.642
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		48.160.338.516	(48.160.338.516)
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(5.952.943.985)	(5.547.023.637)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(522.339.241)	(372.017.793)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(93.405.044.254)	(46.276.394.568)
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(2.337.170.681)	(7.946.667.901)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		290.909.091	413.636.364
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		20.746.601.969	48.141.324.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		310.029.217	15.789.099
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		19.010.369.596	40.624.081.562

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		172.696.462.215	67.338.262.177
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(79.546.432.412)	(61.941.087.842)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>		<b>93.150.029.803</b>	<b>5.397.174.335</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>18.755.355.145</b>	<b>(255.138.671)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>3.317.784.431</b>	<b>3.572.923.102</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>		<b>22.073.139.576</b>	<b>3.317.784.431</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Nguyễn Tuấn Trang

Trương Thị Thu Hiền

Bùi Hoàng Tuấn

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2017

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

#### 02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng, thương mại và kinh doanh bất động sản.

#### 03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm:

- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (thang máy);
- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (xây dựng các công trình công nghiệp);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (xây dựng các công trình dân dụng);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất);
- Cho thuê xe có động cơ (xe ô tô, phương tiện vận chuyển).

#### 04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 05. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc gồm:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh tại thành phố Đà Nẵng	Đường số 2 Khu Công nghiệp Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 176 Hoa Lan, phường 02, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### **02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Lãnh đạo đảm bảo Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

#### **02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

#### **03. Các khoản đầu tư tài chính**

##### *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

#### **04. Các khoản nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### **06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

##### ***Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình***

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

##### ***Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình***

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm máy tính	03 - 05 năm

#### **07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**08. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

**09. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.



### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

**15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán. Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chi trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài liệu để nghiệm thu khối lượng;
- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong năm và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

*Đơn vị tính: VND*

**01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	76.901.163	165.474.963
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.888.686.413	3.152.309.468
- Các khoản tương đương tiền	1.107.552.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>22.073.139.576</u></b>	<b><u>3.317.784.431</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**  
Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
02. Các khoản đầu tư tài chính				
a. Chứng khoán kinh doanh				
- Tổng giá trị cổ phiếu	-	-	48.160.338.516	-
+ Công ty Cổ phần Dầu tư Xây dựng Hà Tây (*)	-	-	48.160.338.516	-
Cộng	-	-	48.160.338.516	-

(\*) Trong năm, Công ty bán 1.521.846 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) Công ty Cổ phần Dầu tư Xây dựng Hà Tây với giá 31.646 đồng/ cổ phần cho Công ty Cổ phần Dầu tư Alphanam.

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Dự phòng	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Dự phòng
b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
- Đầu tư vào đơn vị khác	-	-	-	-	-	-	20.746.601.969	(93.279.998)
+ Công ty Cổ phần Dầu tư Minh Nguyễn (*)	-	-	-	-	4,98%	4,98%	20.746.601.969	(93.279.998)
Cộng	-	-	-	-	-	-	20.746.601.969	(93.279.998)

(\*) Trong năm, Công ty bán 597.298 cổ phần của Công ty Cổ phần Dầu tư Minh Nguyễn cho Công ty Cổ phần Delta Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**03. Phải thu của khách hàng**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>164.028.153.638</b>	<b>125.872.432.382</b>
- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	96.802.258.352	74.391.132.483
- Ban QLDA các công trình điện miền Nam	1.869.219.219	16.805.394.482
- Công ty Cổ phần Giấy An Hòa	3.860.247.676	3.860.247.676
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	30.949.311.514	2.065.279.398
- Công ty HH tập đoàn cục 6 đường sắt Trung Quốc	9.989.051.682	1.551.786.419
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	20.558.065.195	27.198.591.924
<b>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>164.028.153.638</b>	<b>125.872.432.382</b>

**c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>37.651.934.328</b>	<b>3.075.976.867</b>
- Công ty Cổ phần Xây dựng-Tự động hóa và Truyền thông Vinacon	128.881.389	128.881.389
- Công ty Cổ phần Alphanam	-	710.613.601
- Công ty TNHH Sơn Kansai- Alphanam	238.485.677	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	30.949.311.514	2.065.279.398
- Công ty Bất động sản Hoa Anh Đào	25.144.894	42.171.285
- Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	-	129.031.194
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	5.616.435.873	-
- CN Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam tại Miền Trung	55.000.000	-
- Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	638.674.981	-
<b>Cộng</b>	<b>37.651.934.328</b>	<b>3.075.976.867</b>

**04. Trả trước cho người bán**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>165.221.484.239</b>	<b>56.088.840.070</b>
- Công ty TNHH PEO Việt Nam	-	4.620.000.000
- Công ty TNHH Tư vấn DP	-	5.100.000.000
- Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	10.211.602.925	8.776.049.034
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	61.050.503.914	15.251.367.635
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn ABB	-	5.940.905.000
- Công ty Cổ phần Công Nghệ HT&ME Việt Nam.	-	882.129.981
- Công ty Cổ phần Kỹ thuật SIGMA	91.217.480.652	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	2.741.896.748	15.518.388.420
<b>b. Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>165.221.484.239</b>	<b>56.088.840.070</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**c. Trả trước cho người bán là các bên liên quan**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	71.262.106.839	24.062.945.392
- Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	10.211.602.925	8.776.049.034
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	61.050.503.914	15.251.367.635
- Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	-	35.528.723
<b>Cộng</b>	<b>71.262.106.839</b>	<b>24.062.945.392</b>

**05. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>3.235.949.168</b>	-	<b>1.608.046.109</b>	-
- Tạm ứng	120.933.356	-	73.009.425	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.154.336.398	-	358.127.649	-
- Phải thu khác	960.679.414	-	1.176.909.035	-
+ Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	-	-	220.000.000	-
+ Các khoản phải thu khác	960.679.414	-	956.909.035	-
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.235.949.168</b>	-	<b>1.608.046.109</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**  
Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty TNHH Xây dựng CAO BANG - Đài Loan	1.037.788.000	-	1.037.788.000	-
- Công ty TNHH Thống Nhất	-	-	850.800.000	-
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng HT cấp nước Sông Đà - VINACONEX	1.385.095.467	-	1.385.095.467	-
- Công ty Cổ phần giấy An Hoà	3.860.247.676	1.158.074.303	3.860.247.676	1.930.123.838
- Các khách hàng khác	5.478.301.801	895.970.890	2.306.081.916	-
<b>Cộng</b>	<b>11.761.432.944</b>	<b>2.054.045.193</b>	<b>9.440.013.059</b>	<b>1.930.123.838</b>

**Chi tiết tăng, giảm dự phòng trong năm:**

Đối tượng	Số đầu năm		Phát sinh tăng		Phát sinh giảm		Số cuối năm
	Số đầu năm	Số trích lập	Số xoá nợ	Số hoàn nhập	Số xoá nợ	Số hoàn nhập	
- Công ty TNHH Xây dựng CAO BANG - Đài Loan	1.037.788.000	-	-	-	-	-	1.037.788.000
- Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA25	700.000.000	-	-	-	-	-	700.000.000
- Công ty TNHH Thống Nhất	850.800.000	-	-	850.800.000	-	-	-
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng HT cấp nước Sông Đà - VINACONEX	1.385.095.467	-	-	-	-	-	1.385.095.467
- Công ty cổ phần giấy An Hoà	1.930.123.838	772.049.535	-	-	-	-	2.702.173.373
- Công ty XD Công trình 507 tại Quảng Ninh-V Đàng, Truyền Hình	-	702.482.768	-	-	-	-	702.482.768
- Công ty CP Contrexim Hồng Hà	651.420.000	-	-	-	-	-	651.420.000
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Địa Long	-	340.000.000	-	-	-	-	340.000.000
- Tổng Công ty Điện lực Thành Phố Hà Nội	-	193.031.128	-	-	-	-	193.031.128
- Công ty TNHH Phục vụ Dũng	-	119.692.263	-	-	-	-	119.692.263
- Ban QLDA-Sở LĐTĐ & Xã Hội Hà Nội	-	243.247.499	-	-	-	-	243.247.499
- Các khách hàng khác	954.661.916	677.795.337	-	-	-	-	1.632.457.253
<b>Cộng</b>	<b>7.509.889.221</b>	<b>3.048.298.530</b>	<b>850.800.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>9.707.387.751</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**  
Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

07. Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	68.100.532.901	-	54.172.789.362	-
- Thành phẩm	15.268.182	-	15.268.182	-
- Hàng hoá	29.673.732.211	-	57.134.071.579	-
<b>Cộng</b>	<b>97.789.533.294</b>	<b>-</b>	<b>111.322.129.123</b>	<b>-</b>

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>1.078.509.040</b>	<b>3.397.198.775</b>	<b>14.291.689.760</b>	<b>765.988.108</b>	<b>19.533.385.683</b>
- Mua trong năm	-	177.600.000	1.415.553.545	708.037.136	2.301.190.681
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.203.329.198)	-	(1.203.329.198)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.078.509.040</b>	<b>3.574.798.775</b>	<b>14.503.914.107</b>	<b>1.474.025.244</b>	<b>20.631.247.166</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>1.078.509.040</b>	<b>864.335.126</b>	<b>7.404.606.684</b>	<b>461.053.866</b>	<b>9.808.504.716</b>
- Khấu hao trong năm	-	420.851.516	1.668.740.398	210.402.548	2.299.994.462
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(515.137.447)	-	(515.137.447)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.078.509.040</b>	<b>1.285.186.642</b>	<b>8.558.209.635</b>	<b>671.456.414</b>	<b>11.593.361.731</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>-</b>	<b>2.532.863.649</b>	<b>6.887.083.076</b>	<b>304.934.242</b>	<b>9.724.880.967</b>
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>2.289.612.133</b>	<b>5.945.704.472</b>	<b>802.568.830</b>	<b>9.037.885.435</b>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng là 3.212.900.241 đồng.

Nguyên giá và Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay lần lượt là: 5.716.691.064 VND và 4.955.973.573 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	180.000.000	180.000.000
- Mua trong năm	35.980.000	35.980.000
<i>Số dư cuối năm</i>	215.980.000	215.980.000
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<i>Số dư đầu năm</i>	180.000.000	180.000.000
- Khấu hao trong năm	5.996.670	5.996.670
<i>Số dư cuối năm</i>	185.996.670	185.996.670
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
1. Tại ngày đầu năm	-	-
2. Tại ngày cuối năm	29.983.330	29.983.330

**10. Chi phí trả trước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>176.335.438</b>	<b>94.513.974</b>
- Chi phí bảo hiểm	78.994.699	34.227.178
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.157.728	44.567.432
- Chi phí khác	96.183.011	15.719.364
<b>b. Dài hạn</b>	<b>76.300.292.000</b>	<b>76.401.985.271</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	744.335.698	975.991.472
- Chi phí sửa chữa tại số 2 Đại Cồ Việt	1.314.997.499	3.576.453.909
- Chi phí thuê sàn tầng 2&3 tòa nhà Sakura Tower <sup>(a)</sup>	44.006.060.674	44.969.697.022
- Chi phí thuê sàn tầng 3B tòa nhà Sakura Tower <sup>(b)</sup>	21.587.878.808	22.060.606.076
- Chi phí sửa chữa văn phòng 47 Vũ Trọng Phụng	1.727.867.093	212.914.061
- Chi phí sửa chữa tầng 2 - 47 Vũ Trọng Phụng	3.537.804.203	1.119.052.506
- Thuê văn phòng 96 Định Công <sup>(c)</sup>	2.615.504.398	2.752.402.786
- Chi phí khác	765.843.627	734.867.439
<b>Cộng</b>	<b>76.476.627.438</b>	<b>76.496.499.245</b>

(a) Là chi phí thuê 2.081,7 m<sup>2</sup> sàn tầng 2&3 tòa nhà Sakura Tower 47 Vũ Trọng Phụng trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 14 tháng 9 năm 2013. Tổng chi phí thuê trong 50 năm là 48.181.818.182 đồng.

(b) Là chi phí thuê 1.112,7 m<sup>2</sup> sàn tầng 3B tòa nhà Sakura Tower 47 Vũ Trọng Phụng trong thời hạn 50 năm kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2013. Tổng chi phí thuê trong 50 năm là 23.636.363.636 đồng.

(c) Là chi phí thuê 1.782,70 m<sup>2</sup> toàn bộ tầng hầm thuộc tòa nhà B số 96 Định Công trong thời hạn từ ngày 06/6/2015 đến hết ngày 26/7/2064.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**  
Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**11. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>a. Vay ngắn hạn</b>	<b>44.782.074.990</b>	<b>44.782.074.990</b>	<b>173.004.779.431</b>	<b>79.546.432.412</b>	<b>138.240.422.009</b>	<b>138.240.422.009</b>	
- <i>Vay ngân hàng</i>	<i>42.868.517.207</i>	<i>42.868.517.207</i>	<i>171.780.862.215</i>	<i>77.781.699.896</i>	<i>136.867.679.526</i>	<i>136.867.679.526</i>	
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội <sup>(a)</sup>	23.500.000.000	23.500.000.000	17.172.232.827	23.500.000.000	17.172.232.827	17.172.232.827	
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm	13.521.608.557	13.521.608.557	29.113.182.689	42.634.791.246	-	-	
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư phát triển Việt Nam	5.846.908.650	5.846.908.650	5.800.000.000	11.646.908.650	-	-	
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình <sup>(b)</sup>	-	-	119.695.446.699	-	119.695.446.699	119.695.446.699	
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>1.913.557.783</i>	<i>1.913.557.783</i>	<i>1.223.917.216</i>	<i>1.764.732.516</i>	<i>1.372.742.483</i>	<i>1.372.742.483</i>	
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	125.000.000	125.000.000	281.250.000	406.250.000	-	-	
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư phát triển Việt Nam	1.101.057.779	1.101.057.779	-	595.933.332	505.124.447	505.124.447	
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội <sup>(c)</sup>	-	-	255.167.212	75.049.180	180.118.032	180.118.032	
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong <sup>(d)</sup>	687.500.004	687.500.004	687.500.004	687.500.004	687.500.004	687.500.004	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**  
Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>b. Vay dài hạn</b>	<b>2.171.874.995</b>	<b>2.171.874.995</b>	<b>915.600.000</b>	<b>1.223.917.216</b>	<b>1.863.557.779</b>	<b>1.863.557.779</b>	
Từ 1 năm đến 5 năm	2.171.874.995	2.171.874.995	915.600.000	1.223.917.216	1.863.557.779	1.863.557.779	
<i>Vay ngân hàng</i>	<i>2.171.874.995</i>	<i>2.171.874.995</i>	<i>915.600.000</i>	<i>1.223.917.216</i>	<i>1.863.557.779</i>	<i>1.863.557.779</i>	
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình	281.250.000	281.250.000	-	281.250.000	-	-	
+ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội <sup>(c)</sup>	-	-	915.600.000	255.167.212	660.432.788	660.432.788	
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong <sup>(d)</sup>	1.890.624.995	1.890.624.995	-	687.500.004	1.203.124.991	1.203.124.991	
<b>Cộng</b>	<b>46.953.949.985</b>	<b>46.953.949.985</b>	<b>173.920.379.431</b>	<b>80.770.349.628</b>	<b>140.103.979.788</b>	<b>140.103.979.788</b>	

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (a) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Hà Nội để phục vụ hoạt động kinh doanh với lãi suất vay là từ 8,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ 3 (Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam) là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 762287 do Sở tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 12 năm 2014 cho Công ty Cổ phần Địa Ốc Alphanam, số vào sổ cấp GCN: CT 01003.
- (b) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình để phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn vay theo từng khế ước vay nhưng không quá 09 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay 9,6%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ số 2 phố Đại Cồ Việt, Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội của Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á và quyền đòi nợ từ các đối tác đầu ra của phương án kinh doanh do ngân hàng cấp tín dụng.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

- (c) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội để bù đắp chi phí đã đầu tư mua xe ô tô TOYOTA Fortuner biên kiểm soát 30E-859.88. Thời hạn vay là 60 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay trong năm là 8,2%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.
- (d) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong mua xe ô tô Mercedes Sbenz S400 biên kiểm soát 30E-070.61. Thời hạn vay là 48 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay trong năm là 7,8%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ khoản vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**  
Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**12. Phải trả người bán**

	Số cuối năm		Số đầu năm		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>157.635.468.671</b>	<b>157.635.468.671</b>	<b>93.826.192.386</b>	<b>93.826.192.386</b>	<b>93.826.192.386</b>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	-	-	12.093.165.193	12.093.165.193	12.093.165.193
- Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Vương Thái Sơn	13.439.704.564	13.439.704.564	24.575.629.587	24.575.629.587	24.575.629.587
- Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	24.353.530.880	24.353.530.880	8.620.847.121	8.620.847.121	8.620.847.121
- Công ty Cổ phần kỹ thuật SIGMA	-	-	6.996.909.959	6.996.909.959	6.996.909.959
- Công ty TNHH Tư vấn DP	11.055.968.685	11.055.968.685	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư xây lắp Đông Dương	5.110.180.024	5.110.180.024	5.110.180.024	5.110.180.024	5.110.180.024
- Công ty CP Công Nghệ HT&ME Việt Nam.	10.883.116.510	10.883.116.510	-	-	-
- Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	7.156.602.879	7.156.602.879	4.842.740.774	4.842.740.774	4.842.740.774
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	85.636.365.129	85.636.365.129	31.586.719.728	31.586.719.728	31.586.719.728
<b>b. Phải trả người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.162.500.000</b>	<b>1.162.500.000</b>	<b>1.162.500.000</b>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	-	-	1.162.500.000	1.162.500.000	1.162.500.000
<b>Cộng</b>	<b>157.635.468.671</b>	<b>157.635.468.671</b>	<b>94.988.692.386</b>	<b>94.988.692.386</b>	<b>94.988.692.386</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**  
Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**c. Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Phải trả cho người bán ngắn hạn</b>	<b>36.942.875.601</b>	<b>36.942.875.601</b>	<b>14.811.534.580</b>	<b>14.811.534.580</b>
- Công ty Cổ phần Xây dựng-Tự động hóa và Truyền thông Vinacon	35.951.813	35.951.813	35.951.813	35.951.813
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	3.264.147.345	3.264.147.345	38.332.722	38.332.722
- Công ty Cổ phần Alphanam Nam Sài Gòn	827.414.050	827.414.050	827.414.050	827.414.050
- Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	7.156.602.879	7.156.602.879	4.842.740.774	4.842.740.774
- Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	-	-	251.723.953	251.723.953
- Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	24.353.530.880	24.353.530.880	8.620.847.121	8.620.847.121
- Tổng Công ty Cổ phần Dầu tư và XNK Foodinco	1.110.704.487	1.110.704.487	-	-
- Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	194.524.147	194.524.147	194.524.147	194.524.147
<b>Phải trả cho người bán dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>36.942.875.601</b>	<b>36.942.875.601</b>	<b>14.811.534.580</b>	<b>14.811.534.580</b>

**13. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>61.622.456.531</b>	<b>61.622.456.531</b>	<b>153.439.016.249</b>	<b>153.439.016.249</b>
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	-	-	112.472.747.433	112.472.747.433
- Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	14.031.021.060	14.031.021.060	24.781.021.060	24.781.021.060
- Công ty Cổ phần Công trình giao thông 118 - MOMOTA	39.985.836.842	39.985.836.842	-	-
- Ban QLDA phát triển điện lực - TCT Điện lực miền Bắc	-	-	6.457.292.106	6.457.292.106
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	7.605.598.629	7.605.598.629	9.727.955.650	9.727.955.650
<b>b. Người mua trả tiền trước dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>61.622.456.531</b>	<b>61.622.456.531</b>	<b>153.439.016.249</b>	<b>153.439.016.249</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**  
Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

*c. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan*

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khã năng trả nợ	Giá trị	Số có khã năng trả nợ
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	41.192.939.341	41.192.939.341	115.804.493.645	115.804.493.645
- Công ty Cổ phần Công trình giao thông 118 - MOMOTA	39.985.836.842	39.985.836.842	112.472.747.433	112.472.747.433
- Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	1.207.102.499	1.207.102.499	3.331.746.212	3.331.746.212
Người mua trả tiền trước dài hạn				
Cộng	41.192.939.341	41.192.939.341	115.804.493.645	115.804.493.645

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	10.328.988.745	5.118.644.492	-	5.210.344.253
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	432.575.111	3.229.973.057	522.339.241	-	3.140.208.927
- Thuế thu nhập cá nhân	-	50.325.972	386.361.345	56.634.569	-	380.052.748
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	205.960.999	186.531.923	-	19.429.076
<b>Cộng</b>	-	<b>482.901.083</b>	<b>14.151.284.146</b>	<b>5.884.150.225</b>	-	<b>8.750.035.004</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>15. Chi phí phải trả</b>		
<i>a. Ngắn hạn</i>	<u>280.871.198</u>	<u>585.531.002</u>
- Chi phí lãi vay	280.871.198	49.641.731
- Phải trả chi phí công trình	-	535.889.271
<i>b. Dài hạn</i>	-	-
<b>Cộng</b>	<u><u>280.871.198</u></u>	<u><u>585.531.002</u></u>
<b>16. Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a. Ngắn hạn</i>	<u>7.741.729.527</u>	<u>7.417.629.305</u>
- Kinh phí công đoàn	742.374.083	658.175.421
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.999.355.444	6.759.453.884
+ Ông Nguyễn Tuấn Hải	6.500.000.000	6.020.000.000
+ Ông Lâm Sơn Tùng	370.315.025	370.315.025
+ Các đối tượng khác	129.040.419	369.138.859
<i>b. Dài hạn</i>	<u>4.595.217.394</u>	<u>4.613.633.894</u>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.595.217.394	4.613.633.894
<b>Cộng</b>	<u><u>12.336.946.921</u></u>	<u><u>12.031.263.199</u></u>
<b>17. Doanh thu chưa thực hiện</b>		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a. Ngắn hạn</i>	<u>619.770.000</u>	<u>1.720.670.336</u>
- Doanh thu nhận trước	619.770.000	1.720.670.336
<i>b. Dài hạn</i>	-	-
<b>Cộng</b>	<u><u>619.770.000</u></u>	<u><u>1.720.670.336</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**  
Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**18. Vốn chủ sở hữu**  
*a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	840.866.910	13.247.813.066	134.088.679.976
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	2.220.099.320	2.220.099.320
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>840.866.910</b>	<b>15.467.912.386</b>	<b>136.308.779.296</b>
Số dư đầu năm nay	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm nay	-	-	12.057.078.810	12.057.078.810
Lãi/(lỗ) trong năm nay	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>840.866.910</b>	<b>27.524.991.196</b>	<b>148.365.858.106</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	72.001.000.000	60	72.001.000.000	60
Vốn góp của các cổ đông khác	47.999.000.000	40	47.999.000.000	40
<b>Cộng</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>120.000.000.000</b>	<b>100</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	120.000.000.000	120.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	12.000.000	12.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**19. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****a. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	171,01	171,01
- EUR	215,71	215,71

**b. Nợ khó đòi đã xử lý**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trung tâm Kinh doanh Địa ốc và Đầu tư Phát triển Công nghệ 579	5.319.868.330	5.319.868.330
- Công ty Cổ phần Xây lắp Coma 25	1.284.246.975	1.284.246.975
- Công ty TNHH Khách sạn Kinh Đô	15.418.000	15.418.000
- Công ty TNHH Thống Nhất	850.800.000	-
<b>Cộng</b>	<b>7.470.333.305</b>	<b>6.619.533.305</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	205.897.884.827	250.232.111.109
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.065.583.010	4.558.812.366
Doanh thu kinh doanh bất động sản	15.246.660.031	14.523.265.495
Doanh thu hợp đồng xây dựng	528.175.254.495	138.725.908.049
<b>Cộng</b>	<b><u>761.385.382.363</u></b>	<b><u>408.040.097.019</u></b>

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan</i>		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	106.276.269.924	4.513.890.360
- Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	2.071.718.022	2.045.324.358
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	333.541.748.740	92.814.065.149
- Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	8.083.438.448	156.401.448
- Công ty TNHH Sơn Kansai- Alphanam	2.773.342.449	1.886.301.574
- Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	6.912.431.801	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Hoa Anh Đào	-	38.337.532
<b>Cộng</b>	<b><u>459.658.949.384</u></b>	<b><u>101.454.320.421</u></b>

**02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Hàng bán bị trả lại	164.928.529	236.239.385
<b>Cộng</b>	<b><u>164.928.529</u></b>	<b><u>236.239.385</u></b>

**03. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	188.859.617.489	242.673.648.163
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.384.251.493	3.433.121.483
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	9.500.119.540	9.231.848.508
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	517.659.196.520	127.986.032.700
<b>Cộng</b>	<b><u>726.403.185.042</u></b>	<b><u>383.324.650.854</u></b>

**04. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	310.029.217	15.789.099
- Lãi chênh lệch tỷ giá	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>310.029.217</u></b>	<b><u>15.789.099</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**05. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	5.948.650.189	5.505.129.319
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	53.237	123.533
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(93.279.998)	(112.663.175)
<b>Cộng</b>	<b>5.855.423.428</b>	<b>5.392.589.677</b>

**06. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
- Thu thanh lý tài sản cố định	-	12.141.601
- Hàng được tặng	101.502.500	-
- Các khoản khác	289.846.428	46.695.230
<b>Cộng</b>	<b>391.348.928</b>	<b>58.836.831</b>

**07. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phạt vi phạm hợp đồng	-	154.107.399
- Các khoản bị phạt hành chính	76.348.325	24.742.575
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	397.282.660	-
- Các khoản khác	593.641.305	13.587
<b>Cộng</b>	<b>1.067.272.290</b>	<b>178.863.561</b>

**08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
<b>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</b>	<b>11.590.989.740</b>	<b>10.601.370.217</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	1.793.320.337	2.117.894.709
- Chi phí khấu hao TSCĐ	593.381.674	346.075.031
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.048.298.530	4.860.622.773
- Chi phí dự phòng	3.662.953.525	2.717.691.863
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.493.035.674	559.085.841
<b>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</b>	<b>1.717.909.612</b>	<b>5.576.254.318</b>
- Chi phí nhân viên	993.142.931	3.563.618.811
- Chi phí vật liệu, bao bì	114.850.684	6.372.546
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	504.346.063	1.525.505.564
- Các khoản chi phí bán hàng khác	105.569.934	480.757.397
<b>Cộng</b>	<b>13.308.899.352</b>	<b>16.177.624.535</b>

**09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	3.140.208.927	584.655.617
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	89.764.130	-
<b>- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.229.973.057</b>	<b>584.655.617</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**(\*) Chi tiết cách xác định Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	15.287.051.867	2.804.754.937
Các khoản điều chỉnh tăng	413.992.769	118.523.145
- Chi phí khấu hao xe ô tô có nguyên giá trên 1,6 tỷ	337.644.444	93.780.570
- Chi phí phạt vi phạm hành chính	76.348.325	24.742.575
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	15.701.044.636	2.923.278.082
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	3.140.208.927	584.655.617
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>3.140.208.927</b>	<b>584.655.617</b>

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	12.057.078.810	2.220.099.320
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.057.078.810	2.220.099.320
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	12.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.005</b>	<b>185</b>

(\*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017.

**11. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	12.057.078.810	2.220.099.320
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.057.078.810	2.220.099.320
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	12.000.000	12.000.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.005</b>	<b>185</b>

(\*) Công ty chưa có cơ sở để tạm tính quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**12. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	254.909.625.095	54.226.679.368
- Chi phí nhân công	14.173.831.657	13.940.530.687
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.305.991.132	1.668.138.024
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	286.559.953.006	104.689.620.742
- Chi phí khác bằng tiền	3.782.511.024	8.632.498.843
- Chi phí dự phòng	3.048.298.530	4.860.622.773
<b>Cộng</b>	<b><u>564.780.210.444</u></b>	<b><u>188.018.090.437</u></b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**02. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Ông Nguyễn Tuấn Hải – Thành viên HĐQT</b>		
+ Trả tiền vay (không tính lãi)	46.620.000.000	56.900.000.000
+ Vay tiền (không tính lãi)	47.100.000.000	51.020.000.000

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

<b>Ông Nguyễn Tuấn Hải – Thành viên HĐQT</b>		
+ Phải trả phải nộp khác (không tính lãi)	6.500.000.000	6.020.000.000
<b>Ông Lâm Sơn Tùng – Phó Tổng Giám đốc</b>		
+ Phải trả phải nộp khác	370.315.025	370.315.025
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b><u>6.870.315.025</u></b>	<b><u>6.390.315.025</u></b>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, phụ cấp và thưởng	890.628.439	768.850.000
<b>Cộng</b>	<b><u>890.628.439</u></b>	<b><u>768.850.000</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

**Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung

Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn

Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC (trước đây là Công ty Liên doanh Fuji – Alpha)

Công ty Cổ phần Xây dựng-Tự động hóa và Truyền thông Vinacon

Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam

Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây

Công ty TNHH Sơn Kansai- Alphanam

Công ty Cổ phần Alphanam (trước đây là Công ty Cổ phần Alphanam Food)

Công ty cổ phần công trình giao thông 118 – MOMOTA

Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn

**Mối quan hệ**

Công ty mẹ

Công ty con gián tiếp của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam

Công ty trong cùng hệ thống

Công ty trong cùng hệ thống

Công ty trong cùng hệ thống

Ngoài các nghiệp vụ phát sinh trong năm đã thuyết minh tại mục VI.01, các nghiệp vụ khác phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b><i>Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam</i></b>		
Mua hàng	70.200.416.011	171.214.970.188
Mua Tài sản cố định	-	500.000.000
Bán Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	-	48.141.324.000
Mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây	-	48.160.338.516
Bán cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây	48.160.338.516	-
<b><i>Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long</i></b>		
Mua hàng hóa	26.081.777.366	8.078.042.837
<b><i>Công ty Cổ phần Alphanam</i></b>		
Chi phí tổ chức sự kiện	-	162.385.000
Mua hàng	5.780.349.939	27.534.050
<b><i>Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn</i></b>		
Chi phí tiền điện nước và thuê văn phòng	1.915.902.376	2.280.699.230
Mua hàng hóa	11.071.062.364	-
<b><i>Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam</i></b>		
Chi phí tiền điện nước và thuê văn phòng	3.120.441.632	446.196.566
<b><i>Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC</i></b>		
Dịch vụ bảo trì thang máy	484.582.309	227.945.454
Mua hàng hóa	16.833.382.676	31.692.397.608
<b><i>Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam</i></b>		
Mua hàng hóa	8.301.471	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Đơn vị tính: VND*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên</b>		
Mua hàng hóa	5.373.388.769	-
<b>Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco</b>		
Mua hàng hóa	1.009.731.352	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, ngoài các số dư đã thuyết minh tại mục V.03, V.04, V.12 và V.13 còn các công nợ khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn</b>		
Phải thu khác	-	220.000.000
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<u>-</u>	<u>220.000.000</u>

**03. Thuê hoạt động*****Các hợp đồng đi thuê***

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	3.626.559.849	4.633.716.364
Trên 1 năm đến 5 năm	12.366.049.244	7.464.865.455
Trên 5 năm	26.794.690.530	42.819.384.242
<b>Cộng</b>	<u>42.787.299.623</u>	<u>54.917.966.061</u>

- Công ty thuê toàn bộ tòa nhà địa chỉ số 2 Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 4 năm 2012 đến ngày 01 tháng 4 năm 2015 và đã gia hạn thêm đến ngày 31 tháng 7 năm 2018 theo Phụ lục số 02 ngày 05 tháng 01 năm 2015. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.

- Công ty thuê toàn bộ sàn tầng 02, tầng lửng (tầng 3B) và sàn tầng 3 thuộc dự án nhà ở cao tầng kết hợp dịch vụ công cộng Sakura Tower – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội dưới hình thức thuê hoạt động. Thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2013 và có khả năng được gia hạn thêm. Tổng chi phí thuê là 71.818.181.818 đồng và không có điều chỉnh trong thời gian thực hiện hợp đồng.

***Các hợp đồng cho thuê***

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	15.347.818.973	13.939.478.344
Trên 1 năm đến 5 năm	31.654.122.658	29.462.644.054
Trên 5 năm	1.010.114.119	14.904.774.960
<b>Cộng</b>	<u>48.012.055.750</u>	<u>58.306.897.358</u>

- Công ty cho thuê toàn bộ tòa nhà tại địa chỉ số 02 Đại Cồ Việt, phường Lê Đại Hành. Hợp đồng cho thuê có hiệu lực trong khoảng từ 01 tháng 8 năm 2012 đến 01 tháng 8 năm 2018 và có khả năng được gia hạn thêm.

- Công ty đã cho thuê toàn bộ tầng 3 và tầng lửng (tầng 3B) tòa nhà Sakura – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Một phần diện tích cho thuê trong thời hạn 10 năm kể từ

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

ngày 01 tháng 9 năm 2013 và một phần cho thuê trong thời hạn 10 năm kể từ ngày 01 tháng 2 năm 2015.

- Công ty đã cho thuê toàn bộ tầng 1 tòa nhà Sakura – 47 Vũ Trọng Phụng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Một phần diện tích cho thuê trong thời hạn kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến 31 tháng 12 năm 2018 và một phần cho thuê trong thời hạn 09 năm kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2014 đến ngày 19 tháng 12 năm 2023.

#### **04. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

##### *Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:*

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty có các khu vực địa lý kinh doanh sau:

- Miền Bắc
- Miền Trung
- Miền Nam

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**  
Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý kinh doanh của Công ty như sau:

Năm nay	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Cộng
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	287.724.762.638	438.663.384.217	34.832.306.979	761.220.453.834
- Chi phí trực tiếp	276.561.399.066	416.466.761.465	33.375.024.571	726.403.185.102
- Chi phí phân bổ	7.126.512.580	10.865.036.771	862.744.152	18.854.293.503
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.036.850.992	11.331.585.981	594.538.256	15.962.975.229
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	10.503.379.832			10.503.379.832
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	10.208.460.980	431.758.912	-	10.640.219.892
<b>Số dư cuối năm nay</b>				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	123.010.783.065	187.541.475.053	14.891.833.841	325.444.091.959
- Tài sản phân bổ cho bộ phận	69.279.173.533	105.667.835.613	8.387.020.351	183.334.029.497
- Tài sản không phân bổ				22.073.139.576
<b>Tổng tài sản</b>	<b>192.289.956.598</b>	<b>293.209.310.666</b>	<b>23.278.854.192</b>	<b>530.851.261.032</b>
- Nợ phải trả bộ phận	135.617.784.996	206.771.079.490	16.418.052.709	358.806.917.195
- Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	709.937.200	1.082.365.842	85.945.854	1.878.248.896
- Nợ phải trả không phân bổ				21.800.236.835
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>136.327.722.196</b>	<b>207.853.445.332</b>	<b>16.503.998.563</b>	<b>382.485.402.926</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm trước	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Đơn vị tính: VND	
				Cộng	
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	278.145.139.562	90.650.472.618	39.008.245.454	407.803.857.634	
- Chi phí trực tiếp	264.062.047.570	83.352.333.696	35.910.269.588	383.324.650.854	
- Chi phí phân bổ	14.701.328.761	4.791.320.109	2.061.776.243	21.554.425.113	
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(618.236.769)	2.506.818.813	1.036.199.623	2.924.781.667	
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	10.695.945.489	-	-	10.695.945.489	
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	6.332.711.347	2.063.898.285	888.126.102	9.284.735.734	
<b>Số dư cuối năm trước</b>					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	206.135.360.953	1.638.583.081	8.363.095.820	216.137.039.854	
- Tài sản phân bổ cho bộ phận	141.341.532.761	46.064.715.585	19.822.331.648	207.228.579.994	
- Tài sản không phân bổ				23.971.106.402	
<b>Tổng tài sản</b>	<b>347.476.893.714</b>	<b>47.703.298.666</b>	<b>28.185.427.468</b>	<b>447.336.726.250</b>	
- Nợ phải trả bộ phận	261.123.589.535	194.524.147	16.689.823.282	278.007.936.964	
- Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	22.521.501.735	7.339.998.029	3.158.510.226	33.020.009.990	
- Nợ phải trả không phân bổ				-	
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>283.645.091.270</b>	<b>7.534.522.176</b>	<b>19.848.333.508</b>	<b>311.027.946.954</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**  
 Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Hoạt động xây lắp
- Lĩnh vực 2: Kinh doanh thương mại
- Lĩnh vực 3: Lĩnh vực khác

	Hoạt động xây lắp điện	Kinh doanh thương mại	Lĩnh vực khác (dịch vụ, cho thuê, kinh doanh bất động sản)	Đơn vị tính: VND
<b>Năm nay</b>				<b>Cộng</b>
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	527.811.383.472	200.583.913.891	32.825.156.471	761.220.453.834
- Tài sản bộ phận	368.047.731.455	139.869.007.728	22.889.283.468	530.806.022.651
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	7.282.783.079	2.767.672.657	452.924.097	10.503.379.832
<b>Năm trước</b>				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	131.335.326.191	249.762.742.546	26.705.788.897	407.803.857.634
- Tài sản bộ phận	144.067.089.507	273.974.964.921	29.294.671.822	447.336.726.250
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	3.444.684.162	6.550.817.579	700.443.747	10.695.945.489

**CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C**Số 47 Trống Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách			Giá trị hợp lý		
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.073.139.576	-	3.317.784.431	-	-	3.317.784.431
Phải thu khách hàng và phải thu khác	164.988.833.052	(9.591.988.663)	127.049.341.417	(7.509.889.221)	155.396.844.389	120.505.651.284
Phải thu về cho vay	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn	-	-	68.906.940.485	(93.279.998)	-	68.813.660.487
<b>Cộng</b>	<b>187.061.972.628</b>	<b>(9.591.988.663)</b>	<b>199.274.066.333</b>	<b>(7.603.169.219)</b>	<b>177.469.983.965</b>	<b>192.637.096.202</b>

**Giá trị sổ sách**

Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
157.635.468.671	94.988.692.386	157.635.468.671	94.988.692.386
140.103.979.788	46.953.949.985	140.103.979.788	46.953.949.985
280.871.198	585.531.002	280.871.198	585.531.002
11.594.572.838	11.373.087.778	11.594.572.838	11.373.087.778
<b>309.614.892.495</b>	<b>153.901.261.151</b>	<b>309.614.892.495</b>	<b>153.901.261.151</b>

**Nợ phải trả tài chính**

Phải trả cho người bán  
 Vay và nợ  
 Chi phí phải trả  
 Các khoản phải trả khác  
**Cộng**

## CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 06. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

#### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### 07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Lãnh đạo cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>				
Phải trả cho người bán	157.632.033.671	-	-	157.632.033.671
Vay và nợ	138.240.422.009	1.863.557.779	-	140.103.979.788
Chi phí phải trả	360.171.198	-	-	360.171.198
Các khoản phải trả khác	6.999.355.444	4.595.217.394	-	11.594.572.838
<b>Cộng</b>	<b><u>303.231.982.322</u></b>	<b><u>6.458.775.173</u></b>	<b>-</b>	<b><u>309.690.757.495</u></b>
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	93.826.192.386	1.162.500.000	-	94.988.692.386
Vay và nợ	44.782.074.990	2.171.874.995	-	46.953.949.985
Chi phí phải trả	585.531.002	-	-	585.531.002
Các khoản phải trả khác	6.759.453.884	4.613.633.894	-	11.373.087.778
<b>Cộng</b>	<b><u>145.953.252.262</u></b>	<b><u>7.948.008.889</u></b>	<b>-</b>	<b><u>153.901.261.151</u></b>

### 08. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### ***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

### ***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

### ***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

## **09. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

## **10. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Nguyễn Tuấn Trang

Kế toán trưởng

Trương Thị Thu Hiền

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Bùi Hoàng Tuấn